※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 아동·청소년의 성보호에 관한 법률 시행규칙 [별지 제9호의2서식] <개정 2021. 1. 28.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Bảo vệ trẻ em và thanh thiếu niên trước tội phạm tình dục [Mẫu đính kèm số 9-2] <Sửa đổi 2021. 1. 28.>

성범죄 경력 조회 신청서(본인)
ĐƠN XIN YÊU CẦU TRA CỨU LÝ LỊCH PHẠM TỘI TÌNH DỤC (BẢN THÂN)

※ 색상이 어두운 난은 신청인이 작성하지 아니하며, [ ]에는 해당되는 곳에 √표를 합니다.
※ Người làm đơn không điền vào các ô màu tối, và đánh dấu √ vào [ ] phù hợp.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	즉시 Ngay lập tức

신청인 Người đăng ký (대상자) (Đối tượng)	성명(외국인의 경우 영문으로 작성) Họ tên (trường hợp người nước ngoài, điền tiếng Anh)		
	주민등록번호(외국인의 경우 외국인등록번호/국적) Số chứng minh thư Hàn (trường hợp người nước ngoài, điền số đăng ký người nước ngoài/quốc tịch) ※ 의료인의 경우 면허번호를 함께 적습니다. ※ Trường hợp là chuyên gia y tế, điền thêm số giấy phép hành nghề.		
운영 또는 취업정보 Thông tin điều hành hoặc làm việc	운영예정 또는 취업(예정)기관명 Tên tổ chức dự kiến điều hành hoặc (dự kiến) làm việc		운영예정 또는 취업(예정)기관 주소 Địa chỉ tổ chức dự kiến điều hành hoặc (dự kiến) làm việc (전화번호:) (Số điện thoại:)
	조회용도 Mục đích tra cứu	[ ] 운영하려는 자용 [ ] Dành cho những người dự kiến điều hành	[ ] 취업(예정)자용 [ ] Dành cho những người (dự kiến) làm việc (직종:) (Ngành nghề:)

「아동·청소년의 성보호에 관한 법률」 제56조 및 같은 법 시행령 제25조에 따라 본인의 성범죄 경력 조회를 요청하오니 그 결과를 회신해 주시기 바랍니다.
Tôi xin yêu cầu tra cứu lịch sử phạm tội tình dục của bản thân theo Điều 56 "Luật Bảo vệ trẻ em và thanh thiếu niên trước tội phạm tình dục" và Điều 25 của Nghị định hướng dẫn Luật này. Vui lòng trả lời kèm theo kết quả.

년 Năm 월 tháng 일 ngày

신청인
Người đăng ký (서명 또는 인, 정보통신망 이용 시 생략 가능)
(Kí tên hoặc đóng dấu, có thể lược nếu nộp qua mạng trực tuyến)

경찰서장 귀하
Kính gửi **Giám đốc Sở Cảnh sát**

신청인 제출서류 Hồ sơ người làm đơn nộp	1. 신분 증명서(주민등록증 또는 운전면허증 등) 사본 1부 1. 1 bản sao giấy tờ tùy thân (chứng minh thư Hàn hoặc giấy phép lái xe, v.v.) 2. 운영하려는 기관 또는 취업대상 기관이 아동·청소년 관련기관등임을 증명할 수 있는 자료 1부 2. 1 bản sao tài liệu chứng minh tổ chức dự kiến điều hành hoặc tổ chức dự kiến làm việc là tổ chức liên quan đến trẻ em hoặc thanh thiếu niên, v.v.	수수료 없 음 Không mất phí

유의사항
Nội dung lưu ý

1. 대상자가 외국인인 경우 성명은 영문으로 적고, 외국인등록번호 및 국적을 적습니다.
1. Trường hợp đối tượng là người nước ngoài, điền tên bằng tiếng Anh, ghi số đăng ký người nước ngoài và quốc tịch.
2. 운영예정 또는 취업(예정) 기관이 의료기관인 경우 대상자는 의료인만 해당하며, 의료인 대상자의 주민등록번호와 함께 면허번호를 적습니다.
2. Nếu tổ chức dự kiến điều hành hoặc (dự kiến) làm việc là cơ sở y tế, điền số chứng minh thư Hàn cùng với số giấy phép lái xe của đối tượng là chuyên gia y tế.

처리절차
Quy trình xử lý

신청서 작성 Điền đơn đăng ký	→	접수 Tiếp nhận	→	취업제한 해당여부 확인 Kiểm tra đối tượng hạn chế làm việc	→	통보 Thông báo
신청인 Người đăng ký		경찰서장 Giám đốc Sở cảnh sát		경찰서장 Giám đốc Sở cảnh sát		

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]